

THỐNG KÊ SẢN LƯỢNG BÁO NHÂN DÂN QUA 3 NĂM THỰC HIỆN 2020-2022

Mã BDT	Tên BDT	Số CB Đảng	SL bình quân 1 kỳ năm 2020	Tổng SL năm 2020	SL bình quân 1 kỳ năm 2021	Tổng SL năm 2021	SL bình quân 1 kỳ năm 2022	Tổng SL năm 2022	BQ 1 kỳ 2020/ CDB	BQ 1 kỳ 2021/ CDB	BQ 1 kỳ 2022/ CDB	Hình thức đặt mua
	Tổng	218,485	138,692	50,067,819	139,168	50,239,672	131,206	43,081,585	63%	64%	60%	
100000	Hà Nội	19,428	13,250	4,783,225	12,680	4,577,561	11,866		68%	65%	61%	Đặt riêng lẻ
160000	Hung Yên	2,729	2,337	843,582	2,251	812,738	2,163	780,842	86%	82%	79%	Ban Tuyên giáo đặt mua tập trung cho các Đảng bộ, chi bộ Đảng trực thuộc
170000	Hải Dương	2,635	3,682	1,329,036	3,528	1,273,615	3,243	1,170,625	140%	134%	123%	Đặt tập trung (Thường trực Tỉnh ủy)
180000	Hải Phòng	6,088	3,442	1,242,558	3,456	1,247,510	3,606	1,301,654	57%	57%	59%	Đặt tập trung (Thành ủy)
200000	Quảng Ninh	4,990	3,366	1,215,201	3,212	1,159,476	3,233	1,167,165	67%	64%	65%	Đặt riêng lẻ
220000	Bắc Ninh	2,018	3,025	1,092,061	3,030	1,093,766	3,153	1,138,089	150%	150%	156%	Kinh phí đặt tập trung tại Ban tuyên giáo Tỉnh ủy
230000	Bắc Giang	4,212	4,954	1,788,325	5,087	1,836,523	5,223	1,885,354	118%	121%	124%	Đặt riêng lẻ
240000	Lạng Sơn	4,453	4,700	1,696,832	4,231	1,527,453	3,959	1,429,142	106%	95%	89%	Đặt riêng lẻ
250000	Thái Nguyên	5,292	3,609	1,302,958	3,386	1,222,406	3,290	1,187,857	68%	64%	62%	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được thường trực tỉnh ủy giao nhiệm vụ và cấp kinh phí để đặt mua và cấp báo Nhân dân, báo Thái Nguyên cho các chi bộ xóm, bản, tổ dân phố; Tạp chí Cộng sản cho các Đảng ủy các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh thông qua BDT. Riêng báo Nhân dân và báo Thái Nguyên còn được đặt mua và cấp cho 126 ĐBVHX
260000	Bắc Cạn	1,965	668	241,012	606	218,781	494	178,474	34%	31%	25%	Đặt riêng lẻ
270000	Cao Bằng	2,922	908	327,753	778	280,745	903	325,867	31%	27%	31%	Đặt riêng lẻ
280000	Vĩnh Phúc	3,520	2,743	990,372	2,656	958,899	2,755	994,666	78%	75%	78%	Đặt riêng lẻ (riêng Đảng ủy khối Doanh nghiệp đặt mua tập trung cho 53 chi bộ)
290000	Phú Thọ	5,772	2,182	787,819	2,711	978,687	2,601	938,806	38%	47%	45%	Đặt riêng lẻ
300000	Tuyên Quang	3,220	2,224	802,733	2,321	837,948	2,088	753,874	69%	72%	65%	Đặt riêng lẻ
310000	Hà Giang	4,398	1,573	567,744	1,390	501,713	1,583	571,481	36%	32%	36%	Đặt riêng lẻ
320000	Yên Bái	2,954	1,955	705,608	1,860	671,386	1,946	702,471	66%	63%	66%	
330000	Lào Cai	2,866	1,897	684,865	1,724	622,491	2,004	723,327	66%	60%	70%	Đặt tập trung (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy là đầu mối trao đổi thực hiện đặt báo và thanh toán cho Toàn tỉnh)
350000	Hòa Bình	3,400	2,471	892,009	2,593	936,144	2,675	965,597	73%	76%	79%	Đặt tập trung
360000	Sơn La	1,928	2,363	853,177	2,272	820,185	2,108	761,147	123%	118%	109%	Đặt riêng lẻ
380000	Điện Biên	2,623	620	223,865	638	230,294	651	234,971	24%	24%	25%	Đặt riêng lẻ
390000	Lai Châu	1,996	2,011	726,147	1,997	720,924	1,977	713,685	101%	100%	99%	Đặt riêng lẻ (cũ là đặt tập trung)
400000	Hà Nam	2,452	915	330,359	1,075	387,909	1,016	366,825	37%	44%	41%	Đặt riêng lẻ

410000	Thái Bình	3,862	5,848	2,111,057	5,555	2,005,198	5,580	2,014,351	151%	144%	144%	Đặt tập trung (Văn phòng tỉnh ủy)
420000	Nam Định	5,531	1,639	591,574	1,448	522,883	1,207	435,824	30%	26%	22%	Đặt riêng lẻ
430000	Ninh Bình	3,533	1,638	591,405	1,471	530,964	1,459	526,785	46%	42%	41%	Đặt riêng lẻ
440000	Thanh Hóa	10,021	8,182	2,953,760	8,110	2,927,841	8,129	2,934,427	82%	81%	81%	
						1,878,077						- Đối với báo Nhân dân: Chưa đặt mua tập trung tại Tỉnh (Cơ VP Tỉnh ủy ký hợp đồng đặt mua tại TP Vinh với số lượng 970 tờ/ngày để cấp cho các xã ĐBK, vùng giáo toàn tỉnh, các đc Tỉnh ủy nghỉ hưu) - Đối với TCCS: các đơn vị đặt mua riêng lẻ. Đối với báo Đảng bộ địa phương: TS ký HĐ đặt mua với các cơ quan Đảng ủy khối DN, Ban dân tộc, Ngân hàng chính sách, Tỉnh ủy đặt cấp cho các đối tượng chính sách với số lượng 3362 tờ/ngày để chuyển phát đến địa chỉ nhận theo hình thức CDG.
460000	Nghệ An	8,266	5,799	2,093,275	5,202		4,736	1,709,792	70%	63%	57%	
480000	Hà Tĩnh	4,828	1,079	389,566	966	348,879	892	322,115	22%	20%	18%	
510000	Quảng Bình	2,000	1,324	477,992	1,276	460,690	1,220	440,349	66%	64%	61%	Đặt riêng lẻ
520000	Quảng Trị	2,022	487	175,681	476	171,876	436	157,374	24%	24%	22%	Đặt riêng lẻ
530000	Thừa Thiên Hu	1,294	1,597	576,432	1,352	487,985	1,062	383,270	123%	104%	82%	Đặt riêng lẻ
						587,510						
550000	Đà Nẵng	1,270	1,688	609,429	1,627		1,550	559,489	133%	128%	122%	- Tất cả các quận (6 quận): đặt mua tập trung theo cấp phường - Riêng huyện Hòa Vang: đặt mua tập trung theo cấp Huyện
						640,440						Đặt riêng lẻ - Báo ND, TCCS, XĐĐ: chi Đảng bộ đặt tại BD huyện, thị xã, tp theo kinh phí của chi đảng bộ - Các chi bộ, thôn, khối phố, đc Tỉnh ủy viên, lão thành CM, DV 40 năm tuổi đảng trở lên: Tỉnh ủy đã tổ chức đặt mua báo đảng địa phương tập trung tại đầu tỉnh
560000	Quảng Nam	4,230	1,840	664,089	1,774		1,798	649,151	43%	42%	43%	
570000	Quảng Ngãi	2,741	1,853	668,862	1,767	637,833	1,738	627,459	68%	64%	63%	Đặt riêng lẻ
580000	Kon Tum	1,882	910	328,357	942	340,032	1,129	407,436	48%	50%	60%	Đặt riêng lẻ
590000	Bình Định	3,849	2,519	909,297	2,386	861,255	2,427	876,118	65%	62%	63%	Đặt riêng lẻ
600000	Gia Lai	3,407	2,082	751,671	1,975	712,824	1,823	658,058	61%	58%	54%	Đặt riêng lẻ
						161,181						- Trước đây Tỉnh ủy đặt mua trực tiếp báo, tạp chí cho Đảng ủy xã, phường thị trấn trên toàn tỉnh. Từ tháng 4/2022 Tỉnh ủy giao cho các chi Đảng bộ thực hiện đặt mua. - Riêng các cơ sở quân sự (bộ chỉ huy QS, đồn biên phòng, trung đoàn...) vẫn đặt tập trung để phát cho cơ sở trực thuộc - Các cơ quan cấp Tỉnh (thuế, kho bạc, BHXH...) đặt mua báo và thanh toán tập trung tại Tỉnh
620000	Phú Yên	1,935	476	171,925	446		408	147,125	25%	23%	21%	
630000	Đắc Lắc	5,629	1,852	668,589	1,731	624,854	1,645	593,990	33%	31%	29%	Đặt riêng lẻ
						259,973						
640000	Đăk Nông	2,154	787	284,126	720		727	262,322	37%	33%	34%	Có 3/8 đơn vị đặt báo tập trung (nguồn kinh phí do phòng TCKH huyện quản lý và nhận đặt); 5 đơn vị đặt riêng lẻ
650000	Khánh Hoà	1,252	1,262	455,633	1,204	434,481	1,175	424,345	101%	96%	94%	Đặt riêng lẻ
660000	Ninh Thuận	1,405	707	255,252	686	247,767	705	254,481	50%	49%	50%	Đặt riêng lẻ

670000	Lâm Đồng	3,484	6,969	2,515,729	6,910	2,494,344	7,272	2,625,249	200%	198%	209%	Đặt riêng lẻ
700000	T.P Hồ Chí Mi	5,000	1,033	373,061	3,292	1,188,491	703	253,845	21%	66%	14%	Đặt riêng lẻ
790000	Bà Rịa Vũng T	1,176	1,099	396,858	930	335,902	899	324,409	93%	79%	76%	Đặt riêng lẻ
800000	Bình Thuận	2,870	874	315,426	833	300,891	683	246,610	30%	29%	24%	Đặt riêng lẻ
810000	Đồng Nai	3,484	2,745	991,056	3,961	1,429,995	2,676	966,126	79%	114%	77%	Đặt riêng lẻ
820000	Bình Dương	2,168	1,694	611,399	2,127	767,811	1,483	535,506	78%	98%	68%	Đặt riêng lẻ
830000	Bình Phước	2,329	1,733	625,779	1,710	617,179	1,707	616,361	74%	73%	73%	Đặt riêng lẻ
840000	Tây Ninh	2,443	1,809	652,895	1,848	666,967	1,993	719,629	74%	76%	82%	Đặt riêng lẻ
850000	Long An	3,685	1,021	368,681	1,685	608,287	1,020	368,351	28%	46%	28%	Đặt riêng lẻ
860000	Tiền Giang	2,773	653	235,709	881	317,998	572	206,430	24%	32%	21%	Đặt riêng lẻ (bao Dạng bộ địa phương và P.Tinh ủy đặt tập trung qua tòa soạn, báo nhân dân và TCCS có tình đội đặt tập trung qua Bưu điện)
870000	Đồng Tháp	2,928	915	330,202	903	326,047	816	294,564	31%	31%	28%	Đặt riêng lẻ
880000	An Giang	3,226	948	342,210	940	339,370	861	310,766	29%	29%	27%	Đặt riêng lẻ
890000	Vĩnh Long	2,456	821	296,331	891	321,540	1,091	393,973	33%	36%	44%	Đặt riêng lẻ
900000	Cần Thơ	1,870	1,216	438,977	1,191	429,771	1,073	387,198	65%	64%	57%	Đặt riêng lẻ
910000	Hậu Giang	1,886	849	306,517	840	303,257	821	296,358	45%	45%	44%	Đặt riêng lẻ
920000	Kiên Giang	2,822	1,345	485,711	1,272	459,125	1,219	440,029	48%	45%	43%	Đặt mua tập trung (Ban Tuyên giao Tỉnh ủy đặt mua đảm bảo 145 xã phường đều được đặt báo)
930000	Bến Tre	3,411	527	190,189	599	216,403	484	174,687	15%	18%	14%	Đặt riêng lẻ
940000	Trà Vinh	2,337	709	256,033	656	236,683	676	243,960	30%	28%	29%	Đặt riêng lẻ
950000	Sóc Trăng	1,256	871	314,289	820	295,867	789	284,733	69%	65%	63%	Đặt riêng lẻ
960000	Bạc Liêu	1,508	633	228,488	599	216,221	545	196,827	42%	40%	36%	Đặt riêng lẻ
970000	Cà mau	2,401	1,765	637,066	1,684	607,826	1,440	519,794	73%	70%	60%	Đặt riêng lẻ